

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2025/LĐ-ST
Ngày: 24- 3- 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động vô hiệu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Ông Phan Hồng Việt – Đại diện tư pháp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 10/2025/TLST-LĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH S; trụ sở: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vương Thanh T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số G, Tổ C, Khu E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Đường T, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2025). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3.2. Bà Lê Thị Thu Hồng C, sinh năm 1994, địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy T trình bày:

Bà Phạm Thị Thùy T làm thủ tục rút bảo hiểm nên bà T đã liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T để làm thủ tục theo quy định. Sau đó, bà T được Bảo hiểm xã hội thành phố T thông báo thời điểm từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 07 năm 2010 bà T có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S nên Công ty TNHH S đã thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà T vào thời gian trên.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời gian nêu trên bà T cũng làm việc cho Công ty khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương nên cùng một khoảng thời gian, bà T đóng bảo hiểm tại 02 Công ty. Do đó, đến nay bà T không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định.

Vào thời gian nêu trên bà T có cho bà Lê Thị Thu Hồng C mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S với tên của bà T và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà T từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 07 năm 2010, nhưng trên thực tế bà Lê Thị Thu Hồng C là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH S, do thời điểm nêu trên bà Lê Thị Thu Hồng C không đủ tuổi lao động nên mới mượn chứng minh nhân dân của bà T để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Thu Hồng C và Công ty TNHH S là sai quy định đã vi phạm quy tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T đang được pháp luật bảo vệ.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S và bà Phạm Thị Thùy T (do bà Lê Thị Thu Hồng C là người ký kết) trong khoảng thời gian từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 07 năm 2010 là vô hiệu.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Sổ bảo hiểm xã hội; Công văn số 1467 ngày 15/7/2024.

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vương Thanh T1 trình bày:

Công ty TNHH S và bà Phạm Thị Thùy T có ký hợp đồng lao động, ở bộ phận may. Thời gian bà T làm việc tại Công ty, Công ty Đ cho bà T đầy đủ từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010. Khi bà T đến Công ty làm việc, bà T cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch; giấy khám sức khỏe; giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là bà Phạm Thị Thùy T do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty đều thể hiện tên bà Phạm Thị Thùy T, vì vậy hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên bà Phạm Thị Thùy T mà không phải là bà Lê Thị Thu Hồng C. Việc bà C có hành vi lừa dối mượn hồ sơ người khác để giao kết hợp đồng lao động với Công ty là hành vi trái pháp luật và Công ty K biết việc làm trái pháp luật của bà C. Mãi đến khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và đơn khởi kiện cho Công ty thì Công ty mới biết.

Tại thời điểm đó, tuyển dụng nhiều công nhân lao động phục vụ nhu cầu sản xuất, Công ty chỉ căn cứ vào hồ sơ mà người lao động cung cấp nên không thể biết

được người lao động tại Công ty là người khác chứ không phải là bà Phạm Thị Thùy T nên Công ty thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Công ty sẽ hợp tác hỗ trợ các thủ tục cần thiết để bà Phạm Thị Thùy T được hưởng các chế độ bảo hiểm theo đúng quy định. Công ty không có yêu cầu phản tố trong vụ án, không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Không

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu Hồng C trình bày:

Vào tháng 06/2010 bà có mượn hồ sơ của bà T để đi xin việc tại Công ty TNHH S và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của Phạm Thị Thùy T từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010, nhưng trên thực tế bà là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH S do thời điểm trên bà chưa đủ tuổi lao động nên mới mượn hồ sơ xin việc của bà T để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S.

Đến tháng 7/2010 bà nghỉ việc tại Công ty TNHH S và đến nay bà vẫn chưa liên hệ với Bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội khi còn làm việc tại Công ty TNHH S. Nay, bà T đi làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần nên có liên hệ với bảo hiểm xã hội thì được thông báo bị trùng thông tin tham gia bảo hiểm tại hai công ty nên bà T không thể rút bảo hiểm xã hội theo quy định. Khi đó bà mới biết việc mượn hồ sơ đi giao kết hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật.

Do đó, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S và bà Phạm Thị Thùy T từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010 vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Công ty TNHH S có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) cho bà Phạm Thị Thùy T, sinh ngày 03/3/1991, số căn cước công dân 089191013690 (CMND số 351976979), mã số Bảo hiểm xã hội 7410197580. Thời gian tham gia từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010 được bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận chốt sổ bảo hiểm xã hội ngày 13/11/2019. Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và bà Phạm Thị Thùy T (do bà Lê Thị Thu Hồng C là người ký kết) từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH S; trụ sở: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào tháng 06 năm 2010 giữa Công ty TNHH S và bà T (thực tế bà C ký hợp đồng lao động); công việc của bà C tại Công ty là công nhân may. Bà C làm việc tại Công ty đến tháng 07 năm 2010 thì nghỉ việc. Thời gian bà C làm việc tại Công ty, Công ty đóng bảo xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi bà C đến Công ty làm việc, bà C cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc thể hiện tên người xin việc là bà Phạm Thị Thùy T do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty đều thể hiện tên Phạm Thị Thùy T, vì vậy hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Phạm Thị Thùy T mà không phải là Lê Thị Thu Hồng C. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị Thu Hồng C dùng nhân thân của bà Phạm Thị Thùy T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 07 năm 2010 là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Phạm Thị Thùy T và người sử dụng lao động Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 07 năm 2010 là có cơ sở chấp nhận.

Đối với quyền lợi của bà Lê Thị Thu Hồng C do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy T tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy T về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty TNHH S.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Phạm Thị Thùy T và Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 07 năm 2010 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Phạm Thị Thùy T theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thùy T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000550 ngày 30/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

